

Số: *H05* /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày *05* tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán**  
**ngân sách nhà nước 3 tháng năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của huyện Cẩm Mỹ năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính - KH tại Tờ trình số 49/TTr-TCKH ngày 28/04/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng năm 2022 của huyện Cẩm Mỹ (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể huyện; UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện quyết định này./2

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
  - UBND tỉnh;
  - Sở TC, KHĐT;
  - TT. Huyện Ủy (để báo cáo);
  - Chủ tịch, PCT.UBH;
  - Trang thông tin điện tử huyện;
  - Lưu: VT, PPLT.
- (D/ĐoanNhi/Năm2022/PTCKH/VBTM).

22

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Tấn Thìn**

UYỆ  
10

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAM MỸ**

**CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **H05/QĐ-UBND** ngày **05/5/2022** của **UBND huyện**)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>961.301</b>	<b>407.126</b>	<b>42,35</b>	<b>209,28</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>279.200</b>	<b>95.758</b>	<b>34,30</b>	<b>49,22</b>
1	Thu nội địa	279.200	95.758	34,30	302,26
2	Thu viện trợ			-	-
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>156.017</b>	-	<b>197,51</b>
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>			-	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>862.376</b>	<b>280.675</b>	<b>32,55</b>	<b>131,32</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>862.376</b>	<b>280.675</b>	<b>32,55</b>	<b>131,32</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	229.227	103.984	45,36	169,76
2	Chi thường xuyên	599.878	147.938	24,66	114,17
3	Dự phòng ngân sách			-	-
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>			-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **A05/QĐ-UBND** ngày **05/5/2022** của **UBND huyện**)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>961.301</b>	<b>407.126</b>	<b>42,35</b>	<b>209,28</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>279.200</b>	<b>95.758</b>	<b>34,30</b>	<b>302,26</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	28.000	7.590	27,11	437,72
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	102.000	44.863	43,98	429,06
4	Thuế thu nhập cá nhân			-	-
5	Thuế bảo vệ môi trường	75.000	17.843	23,79	158,52
6	Lệ phí trước bạ	4.000	1.853	46,33	621,81
7	Thu phí, lệ phí	66.200	21.124	31,91	280,75
8	Các khoản thu về nhà, đất			-	-
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	200	40	20,00	125,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	66.000	21.084	31,95	281,46
-	Thu tiền sử dụng đất			-	-
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			-	-
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-	-
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		1	-	-
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			-	-
12	Thu ngân sách khác	4.000	2.484	62,10	600,00
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>			-	-
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HUỖNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>139.010</b>	<b>159.917</b>	<b>115,04</b>	<b>919,17</b>
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	80.600	83.089	103,09	710,53
2	Từ các khoản thu phân chia	58.410	76.828	131,53	1.346,91

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ**

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **H05/QĐ-UBND** ngày **05/5/2022** của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSNN HUYỆN</b>	<b>862.376</b>	<b>280.675</b>	<b>32,55</b>	<b>131,32</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>862.376</b>	<b>280.675</b>	<b>32,55</b>	<b>131,32</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>229.227</b>	<b>103.984</b>	<b>45,36</b>	<b>169,76</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	229.227	101.984	44,49	166,49
2	Chi đầu tư phát triển khác		2.000	-	-
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>599.878</b>	<b>147.938</b>	<b>24,66</b>	<b>114,17</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	310.407	68.856	22,18	95,65
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.400	5.070	115,23	118,93
4	Chi Văn hoá thông tin	5.473	2.034	37,16	143,95
5	Chi truyền thanh	387	34	8,79	89,47
6	Chi thể dục thể thao	2.434	604	24,82	260,34
7	Chi bảo vệ môi trường	15.000	6.827	45,51	111,23
8	Chi hoạt động kinh tế	63.432	1.561	2,46	90,02
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	121.067	32.543	26,88	129,66
10	Chi bảo đảm xã hội	38.258	22.377	58,49	210,43
11	Chi khác	904	16	1,77	-
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>15.217</b>		<b>0,00</b>	-
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-